TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HSST
Ngày: 09/01/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Văn Hạnh.

2.Bà Dương Thị Thắm.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Phạm Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2018/HSST, ngày 30 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST - HS, ngày 26 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Thị T** - sinh năm 1966. Trú tại: Xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 7/10. Con ông Mai Trọng Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết). Chồng: Nguyễn Văn B (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1991. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/10/2018 đến ngày 10/10/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* Người làm chứng:

- Chị Trần Thị T – sinh năm 1968(vắng mặt).

Trú tại: xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Đỗ Văn C – sinh năm 1984(vắng mặt)

Trú tại: thôn 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- Anh Trịnh Văn Ph – sinh năm 1990(vắng mặt)

Trú tại: xóm L, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 17 phút, ngày 06/10/2018, Tổ công tác - Đội quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện N, phối hợp với Công an xã N kiểm tra nơi cư trú của Mai Thị T ở xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Phát hiện có 02 đôi nam nữ là Mai Thị T và anh Trịnh Văn Ph, Trần Thị T và anh Đỗ Văn Ch đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Tổ kiểm tra đã tiến hành lập biên bản và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xử lý. Mai Thị T đã giao nộp số tiền 400.00đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL đã qua sử dụng; Chị Trần Thị T giao nộp 01 bao cao su nhãn hiệu VIP chưa qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA đã qua sử dụng cho Công an huyện N. Đến 18 giờ 45 phút ngày 06/10/2018, Mai Thị T đến Công an huyện N đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội.

Qúa trình điều tra đã xác định: Do trước đó chị Trần Thị T là người cùng xóm đến nhà T chơi và nói với T "Nếu có khách hỏi mua dâm, thì gọi điện cho chị T đến để bán dâm", T đồng ý, nên chị T để lại số điện thoại để liên lạc.

Khoảng 14 giờ ngày 06/10/2018, anh Đỗ Văn Ch trú tại xóm 4, xã N, huyện N rủ anh Trịnh Văn Ph trú tại thôn L, xã N, huyện N đi mua dâm, anh P đồng ý nên anh Ch chở anh P đến quán nhà Mai Thị T. Anh Ch và anh Ph vào quán gọi bia ra uống, anh Ch hỏi T "ở đây có gái trẻ không gọi cho 02 em" tức là 02 gái bán dâm, T trả lời "ở đây không có gái trẻ, chỉ có gái già thôi", do có nhu cầu mua dâm nên anh Ch đồng ý. T gọi điện thoại cho chị Trần Thị T nói "có khách đến hỏi mua dâm có đi không, chồng chết rồi đi kiếm 100.000đ chứ sợ gì", chị T đồng ý. T và anh C thỏa thuận giá mua bán dâm là 150.000đ/một người, anh Ph đưa cho T số tiền 400.000đ, trong đó trả 100.000đ tiền uống bia.

Khi chị T đến, anh Ch và anh Ph nói với T gọi thêm người, T nói "chỉ có 01 người thôi, có chơi tôi thì chơi", anh Ph nói "bà già rồi chơi gì", T trả lời "tao già rồi, con kia không già à, thích thì kiếm tý lấy tiền tiêu", anh P đồng ý. T mở tủ lấy 01 bao cao su đưa cho chị T và chỉ chị T, anh Ch vào khu bếp nhà mình để quan hệ tình dục, còn T và anh Ph lên giường quan hệ tình dục.

Trong vụ án này ngoài hành vi chứa mại dâm, T còn hành vi bán dâm. Do đó, Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T cùng với chị T, anh Ch và anh Ph.

Số vật chứng của vụ án gồm: Số tiền 400.000đ; 01 bao cao su chưa qua sử dụng; 02 điện thoại di động hiện đang nhập kho, quỹ Chi cục thi hành án dân sự huyện N chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số: 52/CT-VKSNS-TA, ngày 29/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Mai Thị T về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả đối với hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Thị T phạm tội "Chứa mại dâm". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Thị T từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Xét thấy bị cáo thuộc đối tượng không có thu nhập ổn định, sống độc thân, đã ly hôn chồng, các con đều đã có gia đình và ở xa, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung, phạt quản chế và không tịch thu tài sản theo khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ thu lợi bất chính của bị cáo và 02 chiếc điện thoại di đông là phương tiện dùng để liên lạc mua bán dâm. Trả lại cho bị cáo T số tiền 100.000đ vì không liên quan đến hành vi chứa mại dâm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà, bị cáo Mai Thị T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo đã thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng về thời gian, địa điểm, vật chứng thu được và các chứng cứ khác phản ánh tại hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do hám lợi bất chính, khoảng 15 giờ ngày 06/10/2018, Mai Thị T đã dùng nơi ở của mình tại xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa làm địa điểm để T và Trần Thị T thực hiện hành vi bán dâm cho anh Trịnh Văn Ph và anh Đỗ Văn Ch, thu lợi bất chính 300.000đ. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Mai Thị T về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, bởi hành vi chứa mại dâm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo chỉ vì mục đích cá nhân đã lợi dụng thân xác của người phụ nữ để thu lợi bất chính. Mai Thị T đã chứa chấp để Trần Thị T và bản thân T hoạt động mại dâm, xâm phạm đến trật tự công cộng, đến nếp sống văn minh, văn hóa, đến nhân cách, đạo đức xã hội và đến sức khỏe con người. Là nguyên nhân làm lan truyền các loại vi rút gây bệnh nguy hiểm, đặc biệt là căn bệnh HIV/AISD. Vì vậy, cần có đường lối xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Mai Thị T là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã tự nguyện đến Cơ quan điều tra đầu thú. Có bà Nội được Chủ tịch Nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có Bố đẻ được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen vì đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Cho nên, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã ly hôn chồng, các con đều đã xây dựng gia đình ở xa, hoàn cảnh gia đình khó khăn, sống độc thân, nên cũng cần được xem xét cho bị cáo khi quyết định về hình phạt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Từ những nhận xét đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là đủ, tạo điều kiện để bị cáo trở thành công dân tốt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Khi quyết định hình phạt xét thấy bị cáo thuộc đối tượng không có việc làm ổn định, các con đều đã xây dựng gia đình ở xa, đã ly hôn chồng, sống độc thân, nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt quản chế và không tịch thu tài sản theo khoản 5 Điều 327 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: Cần trả lại cho bị cáo Mai Thị T số tiền 100.000đ, không liên quan đến hành vi chứa mại dâm. Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 300.000đ thu lợi bất chính từ hành vi chứa mại dâm và 02 chiếc điện thoại di động dùng để liên lạc mua bán dâm của bị cáo.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Qúa trình điều tra, truy tố; Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại các Điều 37; Điều 42 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm a, b khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên bố: Bị cáo Mai Thị T phạm tội "Chứa mại dâm".

*Xử phạt: Bị cáo Mai Thị T 24(hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48(bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Túy cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

*Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Mai Thị T số tiền 100.000đ(*Một trăm nghìn đồng*). Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) và 02 chiếc điện thoại di động. Số vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N ngày 30/11/2018 và Ủy nhiệm chi tại Kho bạc Nhà nước huyện N ngày 30/11/2018.

*Về án phí: Buộc bị cáo Mai Thị T phải nộp 200.000đ(*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- CQTHAHS, CA huyện N;
- Bị cáo;
- lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Hùng